

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: SINH HỌC LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Cá thể và quần thể sinh vật	1.1. Môi trường và các nhân tố sinh thái	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tái hiện được khái niệm môi trường và nhận ra được 4 loại môi trường sống. - Tái hiện được khái niệm nhân tố sinh thái và nhận ra được các nhân tố sinh thái vô sinh và các nhân tố sinh thái hữu sinh. - Nhận ra được sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh (ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm) lên cơ thể sinh vật. - Nhận dạng được một số nhóm sinh vật theo giới hạn sinh thái của các nhân tố vô sinh - Tái hiện được khái niệm về giới hạn sinh thái và ổ sinh thái. - Nhớ lại được nội dung của quy tắc về kích thước cơ thể (quy tắc Becman) và quy tắc về kích thước các bộ phận tai, đuôi, chi của cơ thể (quy tắc Anlen). - Nhận ra được sự thích nghi sinh thái và tác động trở lại của sinh vật lên môi trường. - Nhận ra được một số quy luật tác động của các nhân tố sinh thái: quy luật tác động tổng hợp, quy luật giới hạn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được môi trường sống của một số loài sinh vật quen thuộc. - Phân biệt được các nhân tố vô sinh và các nhân tố hữu sinh trong thực tế. - Xác định được một số nhóm sinh vật theo giới hạn sinh thái của chúng đối với các nhân tố vô sinh . - Phân biệt ổ sinh thái và nơi ở - Xác định được đặc điểm của cây ưa sáng và cây ưa bóng. - Xác định được đặc điểm thích nghi của động vật biến nhiệt và động vật đẳng nhiệt. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sự khác nhau giữa cây ưa sáng và cây ưa bóng; động vật hoạt động ban ngày và động vật hoạt động ban đêm; động vật hằng nhiệt và 	4	3	2	1

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		<p>động vật biến nhiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sự tác động của các nhân tố sinh thái lên sinh vật và phân tích được sự tác động trở lại của sinh vật lên môi trường. - Lấy được các ví dụ về ổ sinh thái, nơi ở và đánh giá được ý nghĩa của việc phân hóa ổ sinh thái trong các ví dụ đó. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng quy luật giới hạn của các nhân tố vô sinh để giải thích các hiện tượng thực tế trong chăn nuôi, trồng trọt. - Giải thích được tại sao cần phải dựa vào giới hạn sinh thái để nhập nội giống vật nuôi, cây trồng hoặc để chăm sóc các giống vật nuôi, cây trồng. 				
	1.2. Quần thể sinh vật và môi trường quan hệ giữa các cá thể trong quần thể	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tái hiện được khái niệm quần thể về mặt sinh thái học. - Tái hiện được khái niệm về quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh. - Nhận ra được các mối quan hệ sinh thái giữa các cá thể trong quần thể (quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh) và nhớ lại được ý nghĩa của các mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tập hợp nào là quần thể sinh vật và tập hợp nào không phải là quần thể sinh vật. - Phân biệt được mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh cùng loài. - Xác định được mối quan hệ trong quần thể thông qua các ví dụ cụ thể. - Hiểu được bản chất của các mối quan hệ trong quần thể. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh trong quần thể là các đặc điểm thích nghi của sinh vật với môi trường sống, giúp cho quần thể tồn tại và phát triển ổn định. - Trình bày được những nguyên nhân gây ra hiện tượng cạnh tranh và các biện pháp giảm sự cạnh tranh của quần thể. - Giải thích được hiệu quả nhóm trong mối quan hệ hỗ trợ. - Lấy được các ví dụ minh họa cho các mối quan hệ của quần thể. - Giải thích được hiện tượng tự tỉa thưa, ăn thịt đồng loại của sinh vật trong 	4	3	2	

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		quần thể.				
	1.3. Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật; Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật. - Nhớ được định nghĩa về mật độ, tỉ lệ giới tính, kích thước quần thể, kích thước tối thiểu, kích thước tối đa. - Tái hiện được các khái niệm: Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật, biến động theo chu kì, biến động không theo chu kì. - Tái hiện được khái niệm tỉ lệ giới tính và nhận ra được ảnh hưởng của tỉ lệ giới tính đến quần thể. - Nhớ lại được các kiểu phân bố cá thể trong quần thể; Nhận ra được ý nghĩa sinh thái của mỗi kiểu phân bố. - Tái hiện được khái niệm mật độ cá thể của quần thể; Nhận ra được ảnh hưởng của mật độ cá thể đến quần thể. - Tái hiện được các khái niệm: tuổi sinh lí, tuổi sinh thái, tuổi quần thể; Nhận ra được các loại tháp tuổi và tái hiện được ảnh hưởng của cấu trúc tuổi tới quần thể. - Tái hiện được các khái niệm: kích thước quần thể, kích thước tối đa, kích thước tối thiểu; Nhận ra được các nhân tố ảnh hưởng đến kích thước quần thể và ảnh hưởng của kích thước quần thể đến quần thể. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện ra các đặc trưng của quần thể thông qua các ví dụ cụ thể. - Phân biệt được khái niệm mật độ và kích thước quần thể. - Phát hiện được tác động của mật độ lên môi trường sống của quần thể. - Phân tích được tác động của kích thước tối thiểu và kích thước tối đa đến sự tồn tại của quần thể. - Phát hiện được ảnh hưởng của các nhân tố môi trường đến tỉ lệ giới tính; mật độ, cấu trúc tuổi, kích thước quần thể. - Phân biệt được biến động theo chu kì và biến động không theo chu kì. - Xác định được kiểu biến động số lượng thông qua ví dụ cụ thể và tìm ra được các nguyên nhân gây ra biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật. - Hiểu được khái niệm trạng thái cân bằng của quần thể và cơ chế duy trì 	5	4	3	1

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		<p>trạng thái cân bằng quần thể.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cơ chế điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể. - Phân tích được nguyên nhân gây biến động số lượng cá thể của quần thể và cơ chế quần thể tự điều chỉnh về trạng thái cân bằng. - Phân biệt được sự khác nhau giữa 3 nhóm tuổi và tìm ra được ý nghĩa của việc nghiên cứu nhóm tuổi. - Phân biệt được các kiểu phân bố cá thể trong quần thể và phát hiện được ý nghĩa của việc nghiên cứu. - Phát hiện được ý nghĩa của việc điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể. - Phân biệt được sự tăng trưởng kích thước quần thể trong điều kiện môi trường không bị giới hạn (điều kiện môi trường hoàn toàn thuận lợi) và sự tăng trưởng kích thước quần thể trong điều kiện môi trường bị giới hạn (điều kiện môi trường hoàn toàn thuận lợi). - Phân biệt được 2 loại đường cong tăng trưởng của quần thể sinh vật. - Xác định được ảnh hưởng của môi trường đến đường cong tăng trưởng của quần thể. - Hiểu được khái niệm trạng thái cân bằng của quần thể và cơ chế duy trì trạng thái cân bằng quần thể. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vai trò tỉ lệ giới tính vào trong đời sống sản xuất, bảo tồn động vật hoang dã. - Giải thích được vì sao tỉ lệ giới tính của quần thể lại ảnh hưởng đến hiệu quả sinh sản của quần thể. - Giải thích được vì sao mật độ là đặc trưng cơ bản nhất của quần thể. - Giải thích được vì sao khi kích thước của quần thể quá thấp thì quần thể dễ rơi vào trạng thái diệt vong. - Vận dụng được những hiểu biết về các nhóm tuổi để đề xuất các biện pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên. - Vận dụng được những hiểu biết về mật độ vào đời sống, sản xuất. - Trình bày ảnh hưởng của kích thước quần thể đến mức sinh sản, mức tử 				

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		vong của quần thể. Vận dụng hiểu biết về kích thước của quần thể trong công tác bảo tồn. - Phân tích được mối liên quan giữa sự tăng dân số quá nhanh và chất lượng môi trường giảm sút.				
Tổng			13	10	7	2